

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

### I. THÔNG TIN CHUNG:

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm
- Tên viết tắt tiếng Anh là FOODSTUFF COMBINATORIAL JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500238265 Do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà nội cấp .
- Vốn điều lệ : 60.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 59.970.400.000 VNĐ
- Địa chỉ: 267 Đường Quang Trung, P. Quang Trung- Q. Hà Đông- TP Hà Nội
- Số điện thoại: 0433827236
- Số fax/Fax: : 0433827236
- Website: lhtp.com.vn
- Mã cổ phiếu : FCC

#### *Quá trình hình thành và phát triển*

Công ty Cổ phần LHTP được thành lập từ năm 1971 với tên gọi là Nhà máy Liên hợp thực phẩm do Ủy Ban hành chính tỉnh Hà Tây ra quyết định vào ngày 28/10/1971. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là Sản xuất lương thực, bánh mỳ, mỳ sợi.

Đến năm 1992 Công ty đã được UBND Tỉnh Hà Tây ra quyết định thành lập lại với tên gọi Công ty Liên hợp thực phẩm Hà Tây với ngành nghề kinh doanh chủ yếu là sản xuất Bánh, Mứt, Kẹo, Bìa, Nước khoáng.

Năm 2004 Công ty đã tiến hành cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần liên hợp thực phẩm.

#### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

- Ngành nghề kinh doanh: Hiện nay Công ty chủ yếu kinh doanh trên hai lĩnh vực chính là Cho thuê mặt bằng để kinh doanh và sản xuất kinh doanh Bìa hơi.
- Địa bàn kinh doanh : Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu là tại Quận Hà Đông. Huyện Thanh Oai- Ứng Hòa- Mỹ Đức- Chương Mỹ.

#### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy :

- Mô hình quản trị :
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Bộ máy Quản lý điều hành của Công ty bao gồm :
  - + Ban giám đốc: Gồm có 01 giám đốc và 02 Phó giám đốc
  - + Các phòng nghiệp vụ: Phòng Kế toán, Phòng kỹ thuật KCS, Phòng Hành chính, Phòng Kinh doanh- Vật tư, Tổ Bảo vệ.
  - + Công ty có 01 phân xưởng sản xuất
- Các công ty con, công ty liên kết: Hiện nay Công ty có 02 công ty liên kết đó là Công ty Cổ phần FALCON Đồng Trúc và Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Hà Tây.
- + Công ty Cổ phần FALCON Đồng Trúc có địa chỉ sản xuất tại thôn Khoang Mái- Xã Đồng Trúc- Huyện Thạch Thất- Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty này là 25.000.000.000 VNĐ trong đó Công ty Cổ phần Liên Hợp thực phẩm góp 5.000.000.000 đ chiếm 20% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Falcon Đồng Trúc là sản xuất và kinh doanh Vật liệu xây dựng trong đó trọng tâm là gạch Tuynel.

+ Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Hà Tây có địa chỉ tại Ba La- Phường Phú Lãm- Hà Đông- Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty là 5.688.900.000 VNĐ trong đó Công ty Cổ phần LHTP góp 1.519.700.000 đ chiếm 27,1% Vốn điều lệ. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh Giồng nông nghiệp.

#### 4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Duy trì sản xuất kinh doanh Bia hơi và cho thuê mặt bằng.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong thời gian tới Công ty có định hướng di chuyển địa điểm sản xuất vào Chúc Sơn- Chương Mỹ, đồng thời sẽ lập dự án để khai thác hiệu quả khu đất tại 267- Quang Trung- Hà Đông

- Các mục tiêu phát triển bền vững :Công ty luôn định hướng sản xuất kinh doanh tuân thủ mọi quy định của nhà nước về công tác Bảo vệ môi trường, đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động.

5. Các rủi ro: Do Công ty chủ yếu sản xuất kinh doanh trên hai lĩnh vực là cho thuê mặt bằng và Bia hơi nên không có nhiều rủi ro, đặc biệt là vấn đề môi trường vì Công ty đã có đề án DTM được phê duyệt và có bộ phận chuyên môn đảm nhiệm thường xuyên.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019		So sánh (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/ Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	23,078	18,998	82,3
	Doanh thu đã giảm trừ	Tỷ đồng	17,210	13,305	77,3
2	Nợ ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	10,5	10,353	
3	Thu nhập bquan người LĐ	Tr.đ/người	6,150	6,2	
4	Kết quả SXKD	Triệu đồng	(6,7)	(8,321)	

### 2. Tổ chức và nhân sự :

- Ban giám đốc công ty gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày sinh	Quốc tịch	Dân tộc	Giới tính	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Nguyễn Tuấn Tú	Giám đốc	19/8/1968	Việt Nam	Kinh	Nam	0
2.	Trần Văn Công	Phó giám đốc	09/6/1963	Việt Nam	Kinh	Nam	0,35%
3	Lưu Xuân Hải	Phó giám đốc	29/11/1963	Việt Nam	Kinh	Nam	0
4	Dương Thị Phong	Kế toán trưởng	01/5/1974	Việt Nam	Kinh	Nữ	0

- Những thay đổi trong ban điều hành : Trong năm không có thay đổi gì .

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 170 người

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn : Trong năm qua công ty không có khoản đầu tư nào cả.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

b.1. Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Hà Tây: Đây là Công ty chủ yếu kinh doanh Giống nông nghiệp, trong năm qua Công ty đã hoạt động rất có hiệu quả, tóm tắt về tài chính của công ty này cụ thể như sau :

Chỉ tiêu	Năm 2018 ( VNĐ)	Năm 2019 ( VNĐ)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản :	21.006.044.072	20.810.674.777	
Doanh thu thuần	29.637.783.151	35.977.576.570	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.234.929.659	4.623.380.298	
Lợi nhuận khác		-57.476.380	
Lợi nhuận trước thuế	4.234.929.659	4.565.903.918	
Lợi nhuận sau thuế	3.387.943.727	3.639.694.052	

b.2 : Công ty Cổ phần Falcon Đồng Trúc : Đây là Công ty chủ yếu sản xuất gạch tuynel để phục vụ công tác xây dựng dân dụng. trong năm qua hoạt động SXKD của công ty đạt hiệu quả tương đối thấp, các chỉ tiêu về tài chính cụ thể như sau :

Chỉ tiêu	Năm 2018 ( VNĐ)	Năm 2019 ( VNĐ)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản :	28.674.144.293	27.443.580.282	
Doanh thu thuần	7.794.913.359	4.385.156.205	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(65.381.152)	-1.325.535.181	
Lợi nhuận khác	(53.517.862)	-30.000	
Lợi nhuận trước thuế	(118.899.014)	-1.325.565.181	
Lợi nhuận sau thuế			

#### 4. Tình hình tài chính LHTP

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	45.273.900.683	35.252.055.490	
Doanh thu thuần	20.248.661.348	13.305.389.111	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-5.267.329.555	-8.321.632.563	
Lợi nhuận khác	27.272.727		
Lợi nhuận trước thuế	-5.240.056.828	-8.321.632.563	
Lợi nhuận sau thuế			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,57	4,42	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn				
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,20	2,33	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>				
<u>Nợ ngắn hạn</u>				
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,24	0,26	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,32	0,35	

<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6,40	4,77	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân				
+Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,45	0,38	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-25,88	-62,54	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-15,27	-32,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-11,57	-23,61	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-26,01	-62,54	
.....				

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) **Cổ phần** : Tổng số cổ phần Công ty đã phát hành 5.997.040 cổ phiếu, mệnh giá 10.000đ/ cổ phiếu. Tất cả cổ phiếu của Công ty đều là cổ phiếu phổ thông và được phép chuyển nhượng tự do không hạn chế. Trong năm qua có duy nhất cổ đông Trần Đức Thuận có giao dịch chuyển nhượng cho một số cá nhân khác tại thành phố Hồ Chí Minh.

b) **Cơ cấu cổ đông** :

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>103</b>	<b>5.997.040</b>	<b>100%</b>
1	Tổ chức	03	3.703.890	61,76%
2	Cá nhân	100	2.293.150	38,24%
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>103</b>	<b>5.997.040</b>	<b>100%</b>

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu** : Trong năm Công ty không có thay đổi gì về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ**: Công ty không có cổ phiếu quỹ nên không có giao dịch.

e) **Các chứng khoán khác**. Công ty không có các loại chứng khoán khác.

### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. **Quản lý nguồn nguyên vật liệu** :Do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bia hơi nên nguồn nguyên liệu chính của Công ty gồm: Malt, Houblon, gạo, đường kính, nấm men, nước có chất lượng tốt phù hợp với sản xuất bia. Đối với nguyên liệu là malt Công ty tiến hành mua từ nhà cung cấp chính là Công ty CP Bia và Nước giải khát Quốc tế với số lượng khoảng 120 tấn/ năm.

- Đối với gạo, đường và các nguyên liệu từ trong nước như Công ty CP Lương thực Hà Sơn Bình, Công ty TNHH TM Đức Hiền, đây các đơn vị uy tín đảm bảo chất lượng và nguồn cung liên tục với giá cả phải chăng, số lượng gạo khoảng 120 tấn/năm, Đường khoảng 08 tấn/ năm.

- Với nấm men và nước là thành phần quyết định hương vị bia và là bí kíp riêng của Công ty, Công ty trực tiếp sản xuất và xử lý nước cho phù hợp với tiêu chuẩn và chất lượng bia tạo nên nét đặc trưng của bia Ha Đô.

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm khoảng gần 320 tấn.

- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức : Do đặc thù ngành nghề sản xuất của Công ty nên tất cả nguyên liệu sau khi qua quá trình sản xuất đều không thể tái chế sử dụng được nữa.

**6.2. Tiêu thụ năng lượng :**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Điện: 840.320 kw

Than: 126.001kg

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng : Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng : Không có

**6.3. Tiêu thụ nước:**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng : Bắt đầu từ tháng 11/2019. Công ty bắt đầu sử dụng nước sạch của Công ty cấp nước Hà Đông. Tổng lượng nước sử dụng trong năm là : 20.128 m<sup>3</sup>

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : Không có

**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường :**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : 01 lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : 80.000.000đ

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động :**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động :

Tổng số lao động: 170 người

**Cơ cấu lao động của công ty**

TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG (người)	TỶ LỆ (%)
• Trên đại học	0	0%
• Đại học	25	14,7%
• Trung cấp + Cao đẳng	18	10,5%
• Nghề	108	63,5%
• Lao động phổ thông	19	11,3%
<b>Tổng số</b>	<b>170</b>	<b>100%</b>

Thu nhập bình quân 2019: 6.200.000đ

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động : Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của nhà nước về các quy định nhằm bảo vệ sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động. Hàng năm đề tiến hành định kỳ việc khám sức khỏe, các ngày lễ lớn trong năm Công ty đều có trợ cấp cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Hiện nay lao động của Công ty đã làm việc lâu năm tại doanh nghiệp nên không phải đào tạo.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Không có.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp : Công ty không có chương trình nào về lĩnh vực này.

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương :

Công ty tích cực tham gia các hoạt động tại địa phương như nuôi dưỡng Bà mẹ Việt nam anh hùng, tham gia đóng góp tích cực vào các hoạt động từ thiện do địa phương phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Do Công ty đang có kế hoạch di chuyển nhà máy sản xuất ra khỏi trung tâm Quận Hà Đông nên chưa quan tâm đến lĩnh vực này.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Kết quả Sản xuất kinh doanh của Công ty đã không hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHCĐ đã đề ra. Cụ thể là sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 82% so với kế hoạch đề ra, dẫn đến doanh thu sụt giảm. Nguyên nhân sụt giảm là do máy móc thiết bị của công ty đã quá lạc hậu, các hãng bia khác cạnh tranh rất quyết liệt, thị hiếu người tiêu dùng đã thay đổi đáng kể với sản phẩm Bia hơi. Việc thua lỗ của công ty đã là vấn đề không thể giải quyết trong ngắn hạn, Đại hội cổ đông thường niên cũng đã xây dựng kế hoạch sẽ thua lỗ kéo dài do vậy trách nhiệm Ban giám đốc đã được HĐQT Công ty phân tích đánh giá kỹ tại cuộc họp thường kỳ và đã không quy trách nhiệm cho Ban điều hành trong việc này.

#### **2. Tình hình tài chính :**

##### *a) Tình hình tài sản:*

#### **Một số chỉ tiêu tài sản cơ bản**

<b>Khoản mục</b>	<b>1/1/2019</b>	<b>31/12/2019</b>
<b>I. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>19.863.193.454</b>	<b>10.619.900.472</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.395.582.935	1.579.744.853
2. Phải trả người bán ngắn hạn	89.676.000	110.875.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.600.000.000	
4. Phải thu ngắn hạn khác	14.331.100.411	9.482.446.511
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	-553.165.892	-553.165.892
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>1.744.128.796</b>	<b>1.253.000.548</b>
1. TSCĐ hữu hình	1.612.004.784	1.147.734.540
- Nguyên giá	30.906.165.021	30.906.165.021
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-29.294.160.237	-29.758.430.481
3. TSCĐ vô hình	132.124.012	115.266.008
- Nguyên giá	268.580.000	268.580.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-136.455.988	-163.313.992
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>19.098.500.000</b>	<b>19.098.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11.500.000.000	11.500.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.598.500.000	7.598.500.000

- Các khoản đầu tư tài chính:

Hiện tại Công ty có các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

- Khoản đầu tư vào Công ty Falcon Đồng Trục với số lượng cổ phần là 500.000 cổ phần, giá trị sổ sách là 5 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ;

+ Khoản đầu tư cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Hà Tây với số lượng cổ phần là 151.970 cổ phần, giá trị sổ sách là 1.519.600.000 đ chiếm 27,1 % Vốn điều lệ..

b) Tình hình nợ phải trả :

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ :

#### **Các khoản phải trả**

<b>KHOẢN MỤC</b>	<b>1/1/2019</b>	<b>31/12/2019</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>6.539.109.044</b>	<b>4.838.896.414</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	36.934.442	174.572
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.402.976	12.327.894
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.291.339.452	2.736.101.412
4. Phải trả người lao động	1.105.548.200	637.187.700
5. Phải trả nội bộ ngắn hạn		
6. Phải trả ngắn hạn khác	2.094.492.855	1.452.713.717
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	391.119	391.119
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>4.430.837.000</b>	<b>4.430.837.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	4.430.837.000	4.430.837.000

- Trong năm 2019 Công ty thanh toán các khoản nợ khách hàng, lương CBCNV đầy đủ, đúng hạn.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:** Hiện nay Công ty chưa có kế hoạch cải tiến cơ cấu tổ chức và các chính sách, hệ thống quản lý mặc dù có rất nhiều hạn chế trong nội tại của công ty.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :** Trong tương lai Công ty sẽ có kế hoạch di dời địa điểm sản xuất ra khỏi trung tâm Quận đồng thời sẽ rà soát và xây dựng lại cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân công phù hợp.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Công ty kiểm toán độc lập đã đồng ý với Báo cáo tài chính của công ty.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

- Năm 2019, mặc dù đứng trước nền kinh tế đầy khó khăn và thách thức, nhưng Ban

Giám đốc công ty đã có những chỉ đạo sát sao và đúng đắn trong công tác điều hành và quản lý doanh nghiệp, bám sát đúng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ được giao phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật hiện hành.

- Kết quả Sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 đã không hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHCĐ đã đề ra. Cụ thể là sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 82% so với kế hoạch đề ra dẫn đến doanh thu sụt giảm. Nguyên nhân sụt giảm là do nhiều yếu tố tác động và đã được Đại hội cổ đông xác định từ trước và đã lên kế hoạch thua lỗ của 5 năm. Do vậy trách nhiệm Ban giám đốc đã được HĐQT Công ty phân tích đánh giá kỹ tại cuộc họp thường kỳ và đã không quy trách nhiệm cho Ban điều hành trong việc này.

- Ban giám đốc công ty đã điều hành và thực hiện tốt các Quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Công ty không để xảy ra vụ việc gì vi phạm và xử phạt liên quan đến môi trường.

- Giám đốc Công ty đã phối hợp với HĐQT thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Giám đốc đã thực hiện tốt việc cung cấp thông tin và báo cáo trung thực tình hình hoạt động của Công ty cho HĐQT trong các phiên họp.

- Ban giám đốc duy trì họp giao ban thường xuyên nhằm mục đích kiểm tra, giám sát những công việc đang thực hiện và xử lý kịp thời những vướng mắc cần tháo gỡ.

- Ban giám đốc và người lao động luôn giữ vững đoàn kết nội bộ, từng bước đồng lòng thực hiện nhiệm vụ và vượt qua mọi khó khăn, thách thức.

## 2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

Năm 2020 dự báo Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn, máy móc thiết bị ngày càng lạc hậu và xuống cấp, định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh và hoạt động quản trị năm 2020 của công ty tập trung hoàn thành một số nhiệm vụ trọng điểm cụ thể như sau:

- *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:* Duy trì sản xuất kinh doanh Bia hơi và cho thuê mặt bằng.

- *Kế hoạch phát triển trong tương lai :* Công ty sẽ có kế hoạch di dời địa điểm sản xuất ra khỏi trung tâm Quận đồng thời sẽ rà soát và xây dựng lại cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân công phù hợp.

- *Các mục tiêu phát triển bền vững:* Công ty luôn định hướng sản xuất kinh doanh tuân thủ mọi quy định của nhà nước về công tác Bảo vệ môi trường, đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị:

a) *Thành viên Hội đồng quản trị :* gồm có 5 thành viên

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày sinh	Quốc tịch	Dân tộc	Giới tính	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%) / vốn điều lệ
1.	Trần Văn Công	Chủ tịch HĐQT	09/6/1963	Việt Nam	Kinh	Nam	0,35 %
2.	Đỗ Công Khanh	Phó chủ tịch HĐQT	05/10/1977	Việt Nam	Kinh	Nam	0
3.	Nguyễn Tuấn Tú	Thành viên	19/8/1968	Việt Nam	Kinh	Nam	0
4.	Dương Thị Phong	Thành viên	01/5/1974	Việt Nam	Kinh	Nữ	0
5.	Đoàn Văn Tuyền	Thành viên	04/01/1969	Việt Nam	Kinh	Nam	0



b) *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:* Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c) *Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

- Năm 2019 HĐQT Công ty đã triển khai 04 phiên họp HĐQT với sự có mặt của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và lãnh đạo công ty nhằm thông qua và trình ĐHĐCĐ các vấn đề kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

TT	Phiên họp	Ngày	Nội dung	Kết quả
1	01-2019/ BB-LHTP	08/5/ 2019	- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019.	Đã thực hiện xong
			- Báo cáo của Giám đốc về kết quả SXKD năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019.	Đã thực hiện xong
			- Báo cáo tài chính năm 2018	Đã thực hiện xong
			- Báo cáo Ban kiểm soát năm 2018.	Đã thực hiện xong
			- Dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.	Đã thực hiện xong
2	02-2019/ BB-LHTP	05/6/ 2019	- Bàn kế hoạch chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên 2019.	Đã thực hiện xong
			- Thông qua xét đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Đỗ Thành Duy, Trần Đức Thuận và Hoàng Tuấn Anh.	Đã thực hiện xong
3	03-2019/ BB-LHTP	27/10/ 2019	- Bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2019-2024.	Đã thực hiện xong
			- Chia gói thù lao HĐQT năm 2019.	Đã thực hiện xong
4	04-2019/ BB-LHTP	30/12/ 2019	- Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT và đánh giá tình hình SXKD công ty.	Đã thực hiện xong
			- Chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị cho công tác kiểm kê, kiểm toán, xây dựng kế hoạch năm 2020,	Đã thực hiện xong
			- Chi Tết Nguyên Đán 2020 cho CBCNV Công ty.	Đã thực hiện xong

- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- HĐQT đã thường xuyên chỉ đạo và đôn đốc Ban giám đốc công ty trong công tác điều hành và quản lý doanh nghiệp, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty trong việc triển khai và thực hiện đúng theo các quyết định, nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ Công ty và pháp luật Nhà nước.

- HĐQT chỉ đạo Ban giám đốc chấp hành nghiêm túc các quy định tài chính và nghĩa vụ thuế với Nhà nước, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông và thu nhập của người lao động.

d) *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản*

*trị công ty trong năm:* Tất cả các thành viên HĐQT Công ty đều có chứng chỉ về quản trị công ty. Trong năm qua không có thành viên HĐQT nào tham gia về các chương trình quản trị công ty.

**2. Ban Kiểm soát:**

*a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:* Ban Kiểm soát gồm 03 người, 01 trưởng ban và 02 thành viên. Các thành viên BKS không sở hữu bất kỳ một cổ phiếu nào của Công ty.

*b) Hoạt động của Ban kiểm soát:* Trong năm qua Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ theo điều lệ Công ty và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ đã đề ra, Trong năm qua đã có 04 cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung các cuộc họp chủ yếu là triển khai các nhiệm vụ theo quy định. Kết quả các cuộc họp đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có vấn đề gì xảy ra.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát :**

*a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.*

<b>BẢNG THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ THƯ KÝ HĐQT</b>			
<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Mức thù lao năm 2019</b>
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			
1	Trần Văn Công	Chủ tịch HĐQT	36.000.000
2	Đỗ Thành Duy	Thành viên	12.000.000
3	Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	12.000.000
4	Nguyễn Tuấn Tú	Thành viên	24.000.000
5	Dương Thị Phong	Thành viên	24.000.000
6	Trần Đức Thuận	Thành viên	12.000.000
7	Đỗ Công Khanh	Phó chủ tịch HĐQT	24.000.000
8	Đoàn Văn Tuyền	Thành viên	24.000.000
	<b>Cộng</b>		<b>168.000.000</b>
<b>BAN KIỂM SOÁT + THƯ KÝ</b>			
9	Chu Thị Bích Liên	Trưởng Ban kiểm soát	24.000.000
10	Đinh Thị Phương Dung	Ủy viên BKS	12.000.000
11	Vũ Thị Ngọc	Ủy viên BKS	12.000.000
12	Giang Diệu Huyền	Thư ký HĐQT	24.000.000
	<b>Cộng</b>		<b>72.000.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>240.000.000</b>

<b>BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG NĂM 2019 CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ</b>			
<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Lương 2019</b>
1	Nguyễn Tuấn Tú	Giám đốc	271.864.400
2	Trần Văn Công	Phó giám đốc	238.195.600
3	Lưu Xuân Hải	Phó Giám đốc	239.391.600
4	Dương Thị Phong	Kế toán trưởng	235.981.900

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.* Trong năm qua Công ty không có bất kỳ giao dịch cổ phiếu nào của các thành viên HĐQT, BKS và Ban giám đốc, kế toán trưởng.

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Trong năm qua Công không có hợp đồng giao dịch nội bộ.

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Công ty là loại hình doanh nghiệp nhỏ. Hoạt động chủ yếu là SXKD Bia hơi, Không phải công ty lớn cho nên khi hoạt động với tư cách là công ty niêm yết còn rất nhiều bỡ ngỡ và thiếu kiến thức về lĩnh vực chứng khoán và các quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết, đội ngũ cán bộ thì thiếu và yếu về chuyên môn, đại đa số cổ đông là người lao động nên hầu như không có một chút kiến thức nào về chứng khoán cả cho nên việc quản trị công ty và quan hệ cổ đông hết sức khó khăn. Công ty sẽ cố gắng khắc phục điểm yếu này.

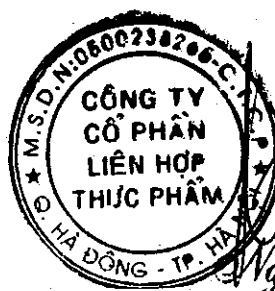
**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

1. **Ý kiến kiểm toán:** « Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.»

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

( Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán thể hiện tại File đính kèm )

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Tuấn Tú*

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN HỢP THỰC PHẨM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
đã được kiểm toán**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	02-03
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	04-05
<b>Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-24

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Liên Hợp Thực phẩm (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000235 đăng ký lần đầu ngày 15/01/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ bảy (07) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 1 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại số 267, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

#### **Hội đồng quản trị**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông: Trần Văn Công	Chủ tịch
Ông: Đỗ Công Khanh	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/06/2019)
Ông: Đoàn Văn Tuyển	Ủy viên
Ông: Nguyễn Tuấn Tú	Ủy viên
Ông: Dương Thị Phong	Ủy viên
Ông: Đỗ Thành Duy	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 20/06/2019)
Ông: Trần Đức Thuận	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 20/06/2019)
Ông: Hoàng Tuấn Anh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 20/06/2019)

#### **Ban Giám đốc**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông: Nguyễn Tuấn Tú	Giám đốc
Ông: Lưu Xuân Hải	Phó Giám đốc
Ông: Trần Văn Công	Phó Giám đốc
Bà: Dương Thị Phong	Kế toán trưởng

#### **Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà: Chu Thị Bích Liên	Trưởng ban
Bà: Đinh Thị Phương Dung	Thành viên
Bà: Vũ Thị Ngọc	Thành viên

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 16/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020  
Ban Giám đốc  
Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
LIÊN HỢP  
THỰC PHẨM  
H. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI  
Nguyễn Tuấn Tú



Số: 196 /BCKT/TC/NV7

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam  
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1,  
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588  
Fax: (+84 24) 3868 6248  
Web: [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm lập ngày 20/02/2020, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.862.881.604</b>	<b>23.363.515.345</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>654.778.993</b>	<b>1.039.487.906</b>
1. Tiền	111	V.01	654.778.993	1.039.487.906
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.619.900.472</b>	<b>19.863.193.454</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	1.579.744.853	2.395.582.935
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	110.875.000	89.676.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	3.600.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	9.482.446.511	14.331.100.411
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(553.165.892)	(553.165.892)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.07	<b>2.588.202.139</b>	<b>2.460.833.985</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.588.202.139	2.460.833.985
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.389.173.886</b>	<b>21.910.385.338</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>320.000.000</b>	<b>320.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	320.000.000	320.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.253.000.548</b>	<b>1.744.128.796</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.147.734.540	1.612.004.784
- Nguyên giá	222		30.906.165.021	30.906.165.021
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(29.758.430.481)	(29.294.160.237)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	105.266.008	132.124.012
- Nguyên giá	228		268.580.000	268.580.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(163.313.992)	(136.455.988)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>432.417.345</b>	<b>432.417.345</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	432.417.345	432.417.345
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.11	<b>19.098.500.000</b>	<b>19.098.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.500.000.000	11.500.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.598.500.000	7.598.500.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>285.255.993</b>	<b>315.339.197</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	285.255.993	315.339.197
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>35.252.055.490</b>	<b>45.273.900.683</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2019	01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>9.269.733.414</b>	<b>10.969.946.044</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.838.896.414</b>	<b>6.539.109.044</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	174.572	36.934.442
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	12.327.894	10.402.976
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.736.101.412	3.291.339.452
4. Phải trả người lao động	314		637.187.700	1.105.548.200
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.452.713.717	2.094.492.855
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		391.119	391.119
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.430.837.000</b>	<b>4.430.837.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	4.430.837.000	4.430.837.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>25.982.322.076</b>	<b>34.303.954.639</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>25.982.322.076</b>	<b>34.303.954.639</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.970.400.000	59.970.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.970.400.000	59.970.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.556.300.000	8.556.300.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		933.364.760	933.364.760
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(43.477.742.684)	(35.156.110.121)
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(35.156.110.121)	(29.916.053.293)
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		(8.321.632.563)	(5.240.056.828)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>35.252.055.490</b>	<b>45.273.900.683</b>

Người lập biểu

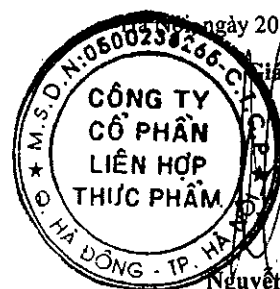


Vũ Hồng Hoa

Kế toán trưởng



Dương Thị Phong



ngày 20 tháng 02 năm 2020

Giám đốc

Nguyễn Tuấn Tú

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	13.305.389.111	20.248.661.348
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.305.389.111	20.248.661.348
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	12.341.841.863	15.762.081.589
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		963.547.248	4.486.579.759
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	473.305.248	817.061.721
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.04	948.658.869	1.356.124.071
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	8.809.826.190	9.214.846.964
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.321.632.563)	(5.267.329.555)
11. Thu nhập khác	31		-	27.272.727
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	27.272.727
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.321.632.563)	(5.240.056.828)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.05	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(8.321.632.563)	(5.240.056.828)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.06	(1.388)	(874)

Người lập biểu



Vũ Hồng Hoa

Kế toán trưởng



Dương Thị Phong



Nguyễn Tuấn Tú

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	22.004.595.600	29.785.235.532
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(8.240.522.274)	(9.659.424.420)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.366.456.500)	(9.566.949.000)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.855.596.317	6.828.792.124
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.711.227.304)	(24.346.891.862)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(4.458.014.161)</b>	<b>(6.959.237.626)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn	22	-	30.000.000
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.600.000.000	6.500.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	473.305.248	457.801.721
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.073.305.248</b>	<b>6.987.801.721</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(384.708.913)</b>	<b>28.564.095</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.039.487.906</b>	<b>1.010.923.811</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>654.778.993</b>	<b>1.039.487.906</b>

Người lập biểu



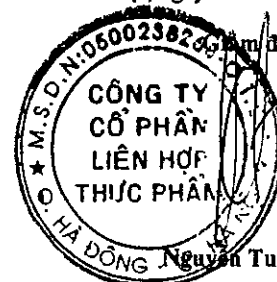
Vũ Hồng Hoa

Kế toán trưởng



Dương Thị Phong

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020



Nguyễn Tuấn Tú

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0303000235 đăng ký lần đầu ngày 15/01/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ bảy (07) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24/01/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.000.000.000 đồng (*Sáu mươi tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty tại số 267, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất bia, thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Công nghiệp bia, nước giải khát, rượu, bánh, mứt các loại;
- Chế biến kinh doanh thực phẩm chất lượng cao từ các nông sản;
- Dịch vụ ăn uống, phục vụ hội nghị;
- Bán buôn, bán lẻ hàng hóa thực phẩm và công nghệ thực phẩm.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

#### b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

#### c. Đầu tư vào Công ty con; Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

#### *d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

### **3. Nguyên tắc kế toán phải thu**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định vào tuổi nợ của các khoản nợ quá hạn và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

#### *a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ



kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

#### **b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng sản phẩm chưa hoàn thành.

#### **c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

### **6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### **a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### **b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn

sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

### b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### d. Thu nhập khác

Phân ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);

- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

#### 11. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### 12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### 13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### 14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

#### **16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

##### **a. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty.

##### **b. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng			
1 . Tiền		31/12/2019	01/01/2019		
Tiền mặt tại quỹ		602.694.731	108.942.258		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		52.084.262	930.545.648		
Cộng		<b>654.778.993</b>	<b>1.039.487.906</b>		
2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn		31/12/2019	01/01/2019		
a) Phải thu khách hàng		1.569.845.653	2.382.944.535		
- Công ty TNHH DTPPTM dịch vụ Thành Đô		128.019.200	140.246.200		
- Tổ tiêu thụ số 01 (cũ)		95.496.030	95.496.030		
- Phùng Văn Hải		470.926.000	470.926.000		
- Công ty CP Đầu tư & TM tổng hợp Sông Hồng		129.852.000	844.334.000		
- Các khách hàng khác		745.552.423	831.942.305		
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		9.899.200	12.638.400		
- Công ty cổ phần Falcon Đồng Trúc		9.899.200	12.638.400		
Cộng		<b>1.579.744.853</b>	<b>2.395.582.935</b>		
3 . Trả trước người bán ngắn hạn		31/12/2019	01/01/2019		
a) Trả trước cho người bán		110.875.000	89.676.000		
- Công ty TNHH Xăng dầu Xuân Thắng		20.000.000	20.000.000		
- Công ty TNHH TM & Trắc địa bản đồ Khôi Nguyên		28.550.000	28.550.000		
- Vũ Thị Thu Hiền		31.500.000	31.500.000		
- Trả trước cho người bán khác		30.825.000	9.626.000		
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		-	-		
Cộng		<b>110.875.000</b>	<b>89.676.000</b>		
4 . Phải thu về cho vay ngắn hạn		31/12/2019	01/01/2019		
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng		-	3.600.000.000		
Cộng		-	<b>3.600.000.000</b>		
5 . Phải thu khác		31/12/2019	01/01/2019		
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a, Phải thu ngắn hạn khác		9.482.446.511	-	14.331.100.411	-
Phải thu khác, trong đó		8.756.320.611	-	13.339.760.611	-
- Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng (lãi cho vay)		8.589.050.411	-	13.172.490.411	-
- Phải thu ngắn hạn khác		167.270.200	-	167.270.200	-
Tạm ứng		726.125.900	-	991.339.800	-
b, Phải thu dài hạn khác		320.000.000	-	320.000.000	-
Đặt cược tiền bom, tủ bia		320.000.000	-	320.000.000	-
Cộng		<b>9.802.446.511</b>	-	<b>14.651.100.411</b>	-

6 . Nợ xấu	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Công ty TNHH MT & TĐBĐ Khôi Nguyên	28.550.000	(28.550.000)	553.165.892	(553.165.892)
Nguyễn Mạnh Thắng	53.689.892	(53.689.892)	53.689.892	(53.689.892)
Phùng Văn Hải	470.926.000	(470.926.000)	470.926.000	(470.926.000)
<b>Cộng</b>	<b>553.165.892</b>	<b>(553.165.892)</b>	<b>553.165.892</b>	<b>(553.165.892)</b>

7 . Hàng tồn kho	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	105.941.235	-	376.972.158	-
Công cụ, dụng cụ	194.119.657	-	245.905.280	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.288.141.247	-	1.837.956.547	-
<b>Cộng</b>	<b>2.588.202.139</b>	<b>-</b>	<b>2.460.833.985</b>	<b>-</b>

8 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện	Thiết bị	Cộng
	vật kiến trúc	thiết bị	vận tải	DCQL	
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	7.416.893.446	22.105.919.575	1.383.352.000	-	30.906.165.021
Số dư cuối năm	7.416.893.446	22.105.919.575	1.383.352.000	-	30.906.165.021
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	6.772.193.499	21.642.253.434	879.713.304	-	29.294.160.237
Số tăng trong năm	146.882.412	126.987.828	190.400.004	-	464.270.244
- <i>Khấu hao trong năm</i>	<i>146.882.412</i>	<i>126.987.828</i>	<i>190.400.004</i>	-	<i>464.270.244</i>
Số dư cuối năm	6.919.075.911	21.769.241.262	1.070.113.308	-	29.758.430.481
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	644.699.947	463.666.141	503.638.696	-	1.612.004.784
Tại ngày cuối năm	497.817.535	336.678.313	313.238.692	-	1.147.734.540

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2019 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 26.872.048.120

9 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Đơn vị tính: đồng		
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	268.580.000	268.580.000
Số dư cuối năm	268.580.000	268.580.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	136.455.988	136.455.988
Số tăng trong năm	26.858.004	26.858.004
- <i>Khấu hao trong năm</i>	<i>26.858.004</i>	<i>26.858.004</i>
Số dư cuối năm	163.313.992	163.313.992
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	132.124.012	132.124.012
Tại ngày cuối năm	105.266.008	105.266.008

10 . Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	432.417.345	432.417.345
- Chi phí phục vụ di dời nhà máy bia	432.417.345	432.417.345
<b>Cộng</b>	<b>432.417.345</b>	<b>432.417.345</b>

11 . Đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết, liên doanh	11.500.000.000	-	11.500.000.000	11.500.000.000	-	11.500.000.000
+ Công ty CP Falcon Đồng Trúc (*)	11.500.000.000	-	11.500.000.000	11.500.000.000	-	11.500.000.000
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.598.500.000	-	7.598.500.000	7.598.500.000	-	7.598.500.000
+ Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	7.598.500.000	-	7.598.500.000	7.598.500.000	-	7.598.500.000

(\*): Khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Falcon Đồng Trúc, tỷ lệ sở hữu là 20%, tỷ lệ biểu quyết là 20%.

Do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính, Công ty xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán bằng giá trị ghi sổ.

12 . Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2019	01/01/2019
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	285.255.993	315.339.197
<b>Cộng</b>	<b>285.255.993</b>	<b>315.339.197</b>

13 . Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	174.572	174.572	36.934.442	36.934.442
- Vũ Như Quang	-	-	24.055.600	24.055.600
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	174.572	174.572	12.878.842	12.878.842
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>174.572</b>	<b>174.572</b>	<b>36.934.442</b>	<b>36.934.442</b>

14 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2019	01/01/2019
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.327.894	10.402.976
- Công ty cổ phần men Hợp Phát	5.000.000	5.000.000
- Quầy bán lẻ 4 - Nga (QL2 trước)	5.000.000	5.000.000
- Tổ tiêu thụ 1	2.193.600	6.600
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	134.294	396.376
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.327.894</b>	<b>10.402.976</b>



15 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng	1.158.254.291	1.826.666.989	2.339.741.910	645.179.370
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.723.161.961	5.692.590.597	5.337.104.946	2.078.647.612
Thuế thu nhập cá nhân	9.600.000	51.354.550	48.680.120	12.274.430
Thuế tài nguyên	323.200	9.734.480	10.057.680	-
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	400.000.000	2.169.188.315	2.569.188.315	-
Các loại thuế khác	-	48.379.819	48.379.819	-
<b>Cộng</b>	<b>3.291.339.452</b>	<b>9.797.914.750</b>	<b>10.353.152.790</b>	<b>2.736.101.412</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
<b>a, Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>1.452.713.717</b>	<b>2.094.492.855</b>
- Kinh phí công đoàn	201.415.738	238.636.114
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	140.673.386
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	619.404.579	827.339.955
+ Dương Thị Phong	300.000.000	800.000.000
+ Phạm Quỳnh Trang	15.966.000	15.966.000
+ Tiền bảo hiểm, thai sản trả cho người lao động	59.175.755	11.373.955
+ Phải trả phải nộp khác	244.262.824	-
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	631.893.400	887.843.400
<b>b, Phải trả dài hạn khác</b>	<b>4.430.837.000</b>	<b>4.430.837.000</b>
- Phải trả, phải nộp dài hạn khác	4.430.837.000	4.430.837.000
<b>Cộng</b>	<b>5.883.550.717</b>	<b>6.525.329.855</b>

17 . Vốn chủ sở hữu

17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>59.970.400.000</b>	<b>8.556.300.000</b>	<b>933.364.760</b>	<b>(29.916.053.293)</b>	<b>39.544.011.467</b>
Tăng vốn năm trước	-	-	-	(5.240.056.828)	(5.240.056.828)
Lãi/lỗ năm trước	-	-	-	(5.240.056.828)	(5.240.056.828)
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-
<b>Dư cuối năm trước</b>	<b>59.970.400.000</b>	<b>8.556.300.000</b>	<b>933.364.760</b>	<b>(35.156.110.121)</b>	<b>34.303.954.639</b>
Tăng vốn năm nay	-	-	-	(8.321.632.563)	(8.321.632.563)
Lãi/lỗ năm nay	-	-	-	(8.321.632.563)	(8.321.632.563)
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>59.970.400.000</b>	<b>8.556.300.000</b>	<b>933.364.760</b>	<b>(43.477.742.684)</b>	<b>25.982.322.076</b>

17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2019	01/01/2019
Vốn góp của các cổ đông khác	59.970.400.000	59.970.400.000
<b>Cộng</b>	<b>59.970.400.000</b>	<b>59.970.400.000</b>
17.3. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận	Năm 2019	Năm 2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	59.970.400.000	59.970.400.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ Vốn góp cuối năm	59.970.400.000	59.970.400.000
17.4. Cổ phiếu	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.997.040	5.997.040
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	5.997.040	5.997.040
- Cổ phiếu phổ thông	5.997.040	5.997.040
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.997.040	5.997.040
- Cổ phiếu phổ thông	5.997.040	5.997.040
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
17.5. Các quỹ của doanh nghiệp:	31/12/2019	01/01/2019
- Quỹ đầu tư phát triển	933.364.760	933.364.760

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

	Đơn vị tính: Đồng	
	Năm 2019	Năm 2018
<b>1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	8.757.831.676	10.620.074.968
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.547.557.435	9.628.586.380
<b>Cộng</b>	<b>13.305.389.111</b>	<b>20.248.661.348</b>
<b>2 . Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	11.126.075.522	14.558.945.503
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.215.766.341	1.203.136.086
<b>Cộng</b>	<b>12.341.841.863</b>	<b>15.762.081.589</b>
<b>3 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.395.248	361.151.721
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	455.910.000	455.910.000
<b>Cộng</b>	<b>473.305.248</b>	<b>817.061.721</b>

	Năm 2019	Năm 2018
<b>4 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
a) Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ	8.809.826.190	9.214.846.964
- Chi phí nhân viên quản lý	5.331.382.367	5.455.154.133
- Chi phí khấu hao TSCĐ	217.258.008	217.258.008
- Thuế, phí và lệ phí	2.390.498.074	2.419.154.551
- Chi phí bằng tiền khác	870.687.741	1.123.280.272
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	948.658.869	1.356.124.071
- Chi phí nhân viên bán hàng	878.882.392	1.263.127.488
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	60.911.477	84.176.583
- Chi phí bằng tiền khác	8.865.000	8.820.000
<b>5 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	Năm 2019	Năm 2018
a. Lợi nhuận trước thuế	(8.321.632.563)	(5.240.056.828)
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	(455.910.000)	(455.910.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	455.910.000	455.910.000
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	455.910.000	455.910.000
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	(8.777.542.563)	(5.695.966.828)
d. Thuế TNDN ={(c)*thuế suất thuế TNDN}	-	-
<b>6 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(8.321.632.563)	(5.240.056.828)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	5.997.040	5.997.040
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.388)	(874)
Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.		
<b>7 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.504.871.890	6.529.269.101
Chi phí nhân công	10.989.670.699	11.901.194.006
Chi phí khấu hao tài sản cố định	491.128.248	512.513.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.564.840.785	6.288.885.925
<b>Cộng</b>	<b>22.550.511.622</b>	<b>25.231.862.328</b>

## VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

### 2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 3 . Thông tin về các bên liên quan

#### 3.1 Danh sách các bên liên quan

##### Bên liên quan

Công ty cổ phần Falcon Đồng Trúc

##### Mối quan hệ

Công ty liên kết

3.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Năm 2019	Năm 2018
<b>Công ty cổ phần Falcon Đồng Trúc</b>			
1	Cho thuê văn phòng	14.603.200	27.106.908
2	Thu tiền dịch vụ	12.038.400	26.178.800

3.3 Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2019:

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.

3.4 Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền lương, thù lao HĐQT, Ban Giám đốc	1.225.000.000	1.266.256.700

4 . Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Người lập biểu

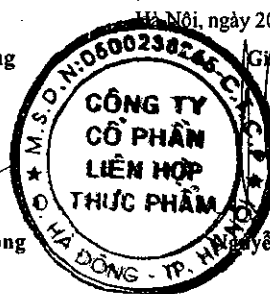
Vũ Hồng Hoa

Kế toán trưởng

Dương Thị Phong

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Giám đốc



Nguyễn Tuấn Tú

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

SỐ CT: 2626 GIẤY VÊN SỐ: 02 UB/CTBS

NGÀY: 04-03-2020



PHÓ CHỦ TỊCH  
Đào Diệu Chung